

CURRENT STATUS OF USING SIMULATION METHODS AND EVALUATION OF LECTURERS IN NURSING PRACTICAL TEACHING AT VINH MEDICAL UNIVERSITY IN 2023

Dinh Thi Hang Nga*

Vinh Medical University - 161 Nguyen Phong Sac, Vinh, Nghe An, Vietnam

Received: 07/12/2023

Revised: 15/02/2024; Accepted: 14/03/2024

ABSTRACT

Objective: Describe the current situation of using simulation methods and evaluation of lecturers in nursing practical teaching at Vinh Medical University 2023.

Research method: Descriptive research conducted on 28 teachers participating in training nursing students at Vinh Medical University from May to November 2023 by interviewing through the questionnaire tool.

Results: Teachers often use the simulation method with a fixed structure, simulation based on anatomical models accounts for a high rate of 42.9%, 39.3% respectively. The teaching time of 1 case of practice at campus long over 180 minutes, accounting for the highest rate of 25%, and the time of teaching 1 case of practice at a practice facility long from 46 to 90 minutes, accounting for the highest rate of 25%. The level of interest and very interest in the simulation method are both very high (> 85%). The percentage of teachers who regularly apply “Assessment of attitude communication skills” is 62.3% and “Evaluate by pure recall theory questions” is 46.4%. Teachers are interested in student assessment methods at over 75%, of which the highest is “Evaluating thinking using hypothetical situations” accounting for 78.6%.

Conclusion: Teachers often use simulation method with fixed structure, simulation based on anatomical model. Teachers are interested in simulation methods with fixed structures, simulation based on anatomical models, computer-based simulation, virtual patient-based simulation, real patients simulation, simulation using standard patients. Teachers are interested in student assessment methods, the highest of which is “Evaluating thinking using hypothetical situations”.

Keywords: Practical teaching; simulation; nursing; Vinh Medical University.

*Corresponding author

Email address: ngadinh.dhykvinh@gmail.com

Phone number: (+84) 904 761 726

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1010>



THỰC TRẠNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP MÔ PHỎNG VÀ LƯỢNG GIÁ CỦA GIÁNG VIÊN TRONG DẠY THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH NĂM 2023

Đinh Thị Hằng Nga*

Trường Đại học Y khoa Vinh - 161 Nguyễn Phong Sắc, Vinh, Nghệ An, Việt Nam

Ngày nhận bài: 07 tháng 12 năm 2023

Ngày chỉnh sửa: 15 tháng 02 năm 2024; Ngày duyệt đăng: 14 tháng 03 năm 2024

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: Mô tả thực trạng sử dụng phương pháp mô phỏng (MP) và lượng giá của giảng viên (GV) trong dạy học thực hành (TH) điều dưỡng tại Trường Đại học Y khoa Vinh năm 2023

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả tiến hành trên 28 GV tham gia đào tạo sinh viên điều dưỡng tại trường Đại học Y khoa Vinh từ tháng 5 đến tháng 11 năm 2023 bằng phỏng vấn thông qua công cụ là phiếu hỏi.

Kết quả nghiên cứu: GV thường xuyên sử dụng phương pháp MP với cấu trúc cố định, MP dựa trên mô hình giải phẫu chiếm tỉ lệ cao lần lượt là 42,9%; 39,3%. Thời gian dạy học 1 ca TH tại trường trên 180 phút chiếm tỷ lệ cao nhất là 25% và thời gian dạy học 1 ca TH tại cơ sở thực tập từ 46 đến 90 phút chiếm tỉ lệ cao nhất là 25%. Mức độ hứng thú và rất hứng thú đối với phương pháp MP đều rất cao (> 85%). Tỷ lệ GV thường xuyên áp dụng “Đánh giá kỹ năng giao tiếp thái độ” là 62,3% và “Đánh giá bằng câu hỏi lý thuyết nhớ lại thuần túy” là 46,4%. GV hứng thú với các phương pháp lượng giá SV trên 75%, trong đó cao nhất là “Đánh giá tư duy bằng tình huống giả định” chiếm tỉ lệ 78,6%.

Kết luận: GV thường xuyên sử dụng phương pháp MP với cấu trúc cố định, MP dựa trên mô hình giải phẫu. GV hứng thú với phương pháp MP với cấu trúc cố định, MP dựa trên mô hình giải phẫu, MP dựa trên máy tính, MP dựa trên người bệnh (NB) ảo, MP NB thật, MP sử dụng NB chuẩn. GV hứng thú với các phương pháp lượng giá SV, trong đó cao nhất là “Đánh giá tư duy bằng tình huống giả định”.

Từ khóa: Dạy học thực hành; mô phỏng; điều dưỡng; trường Đại học Y khoa Vinh.

*Tác giả liên hệ

Email: ngadinh.dhykvinh@gmail.com

Điện thoại: (+84) 904 761 726

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1010>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo kết quả nghiên cứu của Ironside và McNelis năm 2010 cho thấy rằng: trong khi được đào tạo tại nhà trường, sinh viên điều dưỡng đạt được kiến thức và kinh nghiệm. Khảo sát điều kiện để triển khai phương pháp dạy học mô phỏng trong đào tạo kỹ năng lâm sàng cho sinh viên điều dưỡng tại trường Đại học Y khoa Vinh, năm 2023 thực hành lâm sàng thông qua quan sát, thao tác kỹ thuật, và áp dụng kiến thức điều dưỡng học được để hình thành năng lực chăm sóc một cách an toàn, toàn diện, dựa trên bằng chứng trước khi bước vào môi trường chăm sóc thực sự. Tuy nhiên, các nhà quản lý đào tạo cũng như GV điều dưỡng đang gặp phải những thách thức trong việc tìm kiếm không gian TH lâm sàng và cơ hội học tập để thúc đẩy năng lực TH nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng trong thời kỳ đổi mới và hội nhập ngày nay [1].

Bên cạnh đó, phản hồi từ phía các nhà sử dụng lao động cũng như bản thân sinh viên điều dưỡng đã tốt nghiệp cho thấy phương pháp hướng dẫn lâm sàng truyền thống khó có thể đào tạo ra được những người điều dưỡng có khả năng TH nghề nghiệp một cách an toàn và độc lập đáp ứng nhu cầu của môi trường chăm sóc sức khỏe hiện đại. Nhà sử dụng lao động cho rằng sinh viên mới tốt nghiệp mất khoảng một năm trải nghiệm lâm sàng để đạt được năng lực chăm sóc NB một cách độc lập. Sinh viên mới tốt nghiệp cho biết thiếu năng lực chăm sóc NB an toàn là nhân tố quan trọng khiến họ bị buộc thôi việc tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe tư nhân trong những năm mới ra trường [2].

Mô phỏng (MP) là chiến lược sư phạm sử dụng một hoặc nhiều phương pháp giáo dục hoặc thiết bị để cung cấp cho người học trải nghiệm mô phỏng nhằm hỗ trợ người học, chuyên gia tiến bộ hơn [1].

Đào tạo điều dưỡng sử dụng những tình huống dựa trên bằng chứng sẽ mang cả thế giới lâm sàng vào lớp học cho đối tượng cử nhân điều dưỡng chính quy, trở thành giải pháp hữu hiệu cho vấn đề thiếu trải nghiệm lâm sàng trên đối tượng này [3]. Phương pháp này khuyến khích sinh viên sử dụng và tích hợp kiến thức đã học trên lớp, phát triển kỹ năng đánh giá lâm sàng và tư duy tích cực, cải thiện sự tự tin cũng như năng lực TH nghề để cung cấp chăm sóc NB an toàn trong tương lai [4]. Các nghiên cứu liên quan đến sinh viên đại học điều dưỡng chính quy cho thấy trong khóa học lâm sàng đầu tiên, sinh viên thể hiện sự giới hạn về mặt kiến thức, TH kỹ năng và tư duy tích cực cũng như sự tự tin [5]. Trên thế giới, nhận thức được vấn đề này từ rất sớm, các

trường đào tạo đối tượng này đã tích hợp chương trình giảng dạy sử dụng phương pháp MP với các tình huống dựa trên bằng chứng để giành nhiều thời gian cho sinh viên được rèn luyện kỹ năng TH, phát triển tư duy tích cực và cải thiện sự tự tin từ đó giúp hình thành năng lực TH đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong thời đại bùng nổ công nghệ ngày nay [6].

Tại Việt Nam, đã có rất nhiều ngành nghiên cứu về phương pháp MP trong TH và phát triển nghề nghiệp, tuy nhiên, đối với ngành khoa học sức khỏe mặc dù đã có nhiều trường cũng như bệnh viện áp dụng phương pháp MP để đào tạo và nâng cao tay nghề cho các đối tượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, những nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực MP với phát triển và TH nghề nghiệp hiện nay còn chưa nhiều. Đặc biệt với ngành điều dưỡng, tại trường Đại học Y khoa Vinh thì chưa có bất cứ nghiên cứu nào đánh giá về dạy học MP trong đào tạo điều dưỡng. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực trạng sử dụng phương pháp MP của giảng viên trong đào tạo TH điều dưỡng tại Trường Đại học Y khoa Vinh.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu mô tả cắt ngang đã được tiến hành tại trường Đại học Y khoa Vinh tháng 05/2023 đến tháng 11/2023. Nghiên cứu được thực hiện trên GV cơ hữu và thỉnh giảng tham gia đào tạo sinh viên điều dưỡng có học phần TH hoặc lâm sàng đồng ý tham gia nghiên cứu và có mặt tại thời điểm khảo sát. Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật lấy mẫu chủ đích được sử dụng để chọn mẫu dựa trên danh sách GV của khoa Điều dưỡng có tham gia giảng dạy và hướng dẫn TH lâm sàng cho sinh viên điều dưỡng.

Biến số trong nghiên cứu về thực trạng sử dụng phương pháp MP và lượng giá bao gồm: Phương pháp MP; Thời gian dạy - học; Sự hứng thú với các phương pháp MP; Phương pháp lượng giá; Sự hứng thú với các phương pháp lượng giá.

Quy trình thu thập số liệu sử dụng bộ công cụ khảo sát giảng viên với 3 bước sau: Tiến hành điều tra thử trên 5 giảng viên về bộ câu hỏi sau khi xây dựng và chỉnh sửa bộ công cụ. sau đó, nhà nghiên cứu gửi giấy giới thiệu về nghiên cứu, mục đích nghiên cứu và ước lượng thời gian trả lời câu hỏi là 20 phút. Sau đó gửi "bộ câu hỏi" cho giảng viên tự trả lời, đảm bảo giữ khoảng cách để có tính khách quan khi trả lời và giải thích rõ nếu đối tượng nghiên cứu có thắc mắc. Tổng hợp, kiểm tra



phiếu phát vấn, tiến hành nhập số liệu sau khi đã tổ chức phát vấn đủ số lượng.

Bộ câu hỏi về thực trạng dạy học mô phỏng: bao gồm 21 câu hỏi về nội dung kiến thức tổ chức dạy học mô phỏng được xây dựng dựa trên tài liệu “Simulation in nursing and midwifery education” của tổ chức y tế thế giới WHO [7]; Tài liệu được dịch bởi nhóm nghiên cứu và thực hiện dịch ngược bởi giảng viên dạy tiếng anh chuyên ngành. Từ tài liệu dịch, nhóm nghiên cứu xây dựng bộ công cụ khảo sát kiến thức và tiến hành điều tra thử trên 10 giảng viên, sau đó thực hiện điều chỉnh và sử dụng phiên bản số 2.

Số liệu được làm sạch và nhập trên Excel, và tổng hợp trên bản Word. Thống kê mô tả: lập bảng phân bố tần số các biến số. Từ đó mô tả theo biến số nghiên cứu bao

gồm: giới tính, bộ môn, khoa lâm sàng, số năm giảng dạy, mức độ sử dụng phương pháp mô phỏng, thời gian dạy học, số lượng sinh viên trong nhóm học, phương pháp mô phỏng sử dụng, mức độ hứng thú với phương pháp, hoạt động giảng viên, tỉ lệ bài giảng, phương pháp lượng giá, mức độ hứng thú về phương pháp lượng giá, kĩ năng sinh viên.

Nghiên cứu được tiến hành sau khi được phê duyệt của hội đồng khoa học, của trường Đại học Y khoa Vinh. Kết quả nghiên cứu được sử dụng vào mục đích khuyến nghị để cải thiện chương trình đào tạo, dạy học TH, lâm sàng và không phục vụ cho mục đích nào khác.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1: Các phương pháp MP mà GV sử dụng trong dạy học TH (n=28)

Phương pháp	Không lần nào		Hiếm khi		Thỉnh thoảng		Thường xuyên	
	n	%	n	%	n	%	n	%
MP với cấu trúc cố định	4	14,3	2	7,14	10	35,7	12	42,9
MP dựa trên mô hình giải phẫu	6	21,4	4	14,3	7	25,0	11	39,2
MP dựa trên máy tính	5	17,7	7	25,0	10	35,7	6	21,4
MP dựa trên NB ảo	9	32,1	6	21,4	9	32,1	5	17,9
MP NB thật	6	21,4	2	7,1	12	42,7	8	28,6
MP sử dụng NB chuẩn	8	28,6	4	14,3	10	35,7	6	21,4

GV thường xuyên sử dụng phương pháp MP với cấu trúc cố định, MP dựa trên mô hình giải phẫu chiếm tỉ lệ cao lần lượt là 42,7%; 39,3%. GV thỉnh thoảng sử dụng phương pháp MP dựa trên máy tính, MP NB thật,

MP sử dụng NB chuẩn với tỉ lệ lần lượt 35,7%, 42,9%, 35,7%. GV hầu như không sử dụng phương pháp MP dựa trên NB ảo là 32,1%.

Bảng 2: Thời gian dạy - học 1 ca TH (n=28)

Thời gian	Dạy TH tại trường		Dạy TH tại cơ sở thực tập	
	n	%	n	%
≤ 45 phút	3	10,7	3	10,7
46-90 phút	6	21,4	7	25,0
91-180 phút	5	17,9	2	7,1
Trên 180 phút	7	25,0	1	3,6
Không dạy	7	25,0	15	53,6
Tổng	28	100	28	100

Thời gian dạy học do giảng viên tự đánh giá 1 ca TH tại trường trên 180 phút và không dạy của GV chiếm tỉ lệ cao nhất là 25%. GV không dạy TH tại cơ sở thực tập có SV chiếm tỉ lệ cao nhất 53,6%.

Bảng 3. GV hứng thú với các phương pháp MP trong dạy-học TH (n = 28)

Phương pháp MP	Không hứng thú		Hứng thú		Rất hứng thú	
	n	%	n	%	n	%
MP với cấu trúc cố định	4	14,3	21	75,0	3	10,7
MP dựa trên mô hình giải phẫu	1	3,6	18	62,3	8	28,6
MP dựa trên máy tính	2	7,1	18	62,3	8	28,6
MP dựa trên NB ảo	0	0	17	60,7	11	39,3
MP NB thật	1	3,6	14	50,0	13	46,4
MP sử dụng NB chuẩn	1	3,6	17	60,7	10	35,7

Phương pháp MP với cấu trúc cố định, MP dựa trên mô hình giải phẫu, MP dựa trên máy tính, MP dựa trên NB ảo, MP NB thật, MP sử dụng NB chuẩn GV hứng thú chiếm tỉ lệ cao lần lượt là 75,0%, 62,3%, 62,3%, 60,7%, 50,0%, 60,7%. Trong các phương pháp trên GV không hứng thú nhất với phương pháp “MP với cấu trúc cố định” là 14,3%.

Bảng 4. Các phương pháp lượng giá mà GV sử dụng trong dạy học TH (n=28)

Phương pháp lượng giá	Hầu như không		Hiếm khi		Thỉnh thoảng		Thường xuyên	
	n	%	N	%	n	%	n	%
Đánh giá kỹ năng, thủ thuật trên NB giả định	4	14,3	1	3,6	10	35,7	12	42,7
Đánh giá kỹ năng, thủ thuật trên mô hình MP	4	14,3	4	14,3	10	35,7	10	35,7
Đánh giá liên tục bằng cách sử dụng sổ ghi chép	2	7,1	3	10,7	11	39,3	12	42,7
Đánh giá kỹ năng giao tiếp thái độ	2	7,1	2	7,1	6	21,4	18	62,3
Đánh giá kỹ năng thăm khám trên NB giả định	3	10,7	2	7,1	16	57,1	7	25,0
Đánh giá tư duy bằng tình huống giả định	2	7,1	1	3,6	17	60,7	8	28,6
Đánh giá bằng câu hỏi lý thuyết nhớ lại thuần túy	0	0	5	17,7	10	35,7	13	46,4

GV thường xuyên “Đánh giá kỹ năng giao tiếp thái độ” là 62,3% và “Đánh giá bằng câu hỏi lý thuyết nhớ lại thuần túy” là 46,4%. GV hiếm khi “Đánh giá kỹ năng, thủ thuật trên NB giả định” và “Đánh giá tư duy bằng tình huống giả định” đều có tỷ lệ 3,6%.

Bảng 5. GV hứng thú với các phương pháp lượng giá trong dạy-học TH (n = 28)

Phương pháp lượng giá	Không hứng thú		Hứng thú		Rất hứng thú	
	n	%	n	%	n	%
Đánh giá kỹ năng, thủ thuật trên NB giả định	1	3,6	21	75,0	6	21,4
Đánh giá kỹ năng, thủ thuật trên mô hình MP	1	3,6	21	75,0	6	21,4
Đánh giá liên tục bằng cách sử dụng sổ ghi chép	3	10,7	21	75,0	4	14,3
Đánh giá kỹ năng giao tiếp thái độ	0	0	20	71,4	8	28,6
Đánh giá kỹ năng thăm khám trên BN giả định	1	3,6	21	75,0	6	21,4
Đánh giá tư duy bằng tình huống giả định	0	0	22	78,6	6	21,4
Đánh giá bằng câu hỏi lý thuyết nhớ lại thuần túy	3	10,7	21	75,0	4	14,3

GV hứng thú với các phương pháp lượng giá SV trên 75%, trong đó “Đánh giá tư duy bằng tình huống giả định” chiếm tỉ lệ cao nhất là 78,6%.

4. BÀN LUẬN

Qua khảo sát 28 GV có tham gia dạy học TH – lâm sàng tại trường và các cơ sở TH có sinh viên trên địa bàn tỉnh chúng tôi đã chỉ ra được một số đặc điểm về phương pháp MP trong đào tạo TH điều dưỡng tại trường Đại học Y khoa Vinh, năm 2023 như sau:

GV thường xuyên sử dụng phương pháp MP với cấu trúc cố định, MP dựa trên mô hình giải phẫu chiếm tỉ lệ cao lần lượt là 42,9%; 39,3%. GV thỉnh thoảng sử dụng phương pháp MP dựa trên máy tính, MP NB thật, MP sử dụng NB chuẩn với tỉ lệ lần lượt 35,7%, 42,9%, 35,7%. GV hầu như không sử dụng phương pháp MP dựa trên NB là 32,1%. Đào tạo điều dưỡng sử dụng những tình huống MP dựa trên bằng chứng sẽ mang cả thế giới lâm sàng vào lớp học cho đối tượng cử nhân điều dưỡng chính quy, trở thành giải pháp hữu hiệu cho vấn đề thiếu trải nghiệm lâm sàng trên đối tượng này [3]. Kết quả nghiên cứu của tác giả Mai Thị Lan Anh năm 2020 tại trường Đại học điều dưỡng Nam Định cho thấy quan điểm của sinh viên về phương pháp MP là giúp sinh viên cải thiện các kỹ năng TH lâm sàng ($t = -33,95$), tư duy tích cực ($t = -33,95$) và sự tự tin, sự hài lòng trong học tập ($t = -29,45$) với $p < 0,001$ [8]. Phương pháp này khuyến khích sinh viên sử dụng và tích hợp kiến thức đã học trên lớp, phát triển kỹ năng đánh giá lâm sàng và tư duy tích cực, cải thiện sự tự tin cũng như năng lực TH nghề để cung cấp chăm sóc NB

an toàn trong tương lai [4].

Thời gian dạy học 1 ca TH tại trường trên 180 phút và không tham gia dạy của GV chiếm tỉ lệ cao 25% cả hai nhóm. GV không dạy TH tại cơ sở thực tập có sinh viên chiếm tỉ lệ cao nhất 53,6%. Như vậy theo nghiên cứu GV tham gia dạy TH cho sinh viên điều dưỡng đang tập trung dạy ở trường, còn việc giảng dạy tại cơ sở TH có sinh viên đang còn hạn chế. MP là phương pháp đào tạo với mục đích nhân rộng các kinh nghiệm lâm sàng và cho phép sinh viên học tập trong một môi trường an toàn và được kiểm soát.

Phương pháp MP với cấu trúc cố định, MP dựa trên mô hình giải phẫu, MP dựa trên máy tính, MP dựa trên NB ảo, MP NB thật, MP sử dụng NB chuẩn GV hứng thú chiếm tỉ lệ cao lần lượt là 75,0%, 62,3%, 62,3%, 60,7%, 50,0%, 60,7%. Trong các phương pháp trên, tỷ lệ GV không hứng thú nhất với phương pháp MP với cấu trúc cố định là 14,3%. Trên thế giới, nhận thức được vấn đề này từ rất sớm, các trường đào tạo đối tượng này đã tích hợp chương trình giảng dạy sử dụng phương pháp MP với các tình huống dựa trên bằng chứng để giành nhiều thời gian cho sinh viên được rèn luyện kỹ năng TH, phát triển tư duy tích cực và cải thiện sự tự tin từ đó giúp hình thành năng lực TH đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong thời đại bùng nổ công nghệ ngày nay.

GV thường xuyên “Đánh giá kỹ năng giao tiếp thái độ” là 62,3% và “Đánh giá bằng câu hỏi lý thuyết nhớ lại thuần túy” là 46,4%. GV hiếm khi “Đánh giá kỹ năng, thủ thuật trên NB giả định”, “Đánh giá tư duy bằng tình huống giả định” đều chiếm tỷ lệ 3,6%. GV hứng thú với các phương pháp lượng giá SV trên 75%, trong đó cao nhất là “Đánh giá tư duy bằng tình huống giả định

chiếm tỉ lệ 78,6%. Trên thế giới, nhận ra được những thách thức mới trong ngành chăm sóc sức khỏe, nhiều trường đào tạo điều dưỡng đã thay đổi trong thiết kế chương trình giảng dạy, chuyển tải nội dung và đánh giá tổng quan hiệu quả giảng dạy.

5. KẾT LUẬN

GV thường xuyên sử dụng phương pháp MP với cấu trúc cố định, MP dựa trên mô hình giải phẫu. GV tham gia dạy TH cho sinh viên điều dưỡng đang tập trung dạy ở trường, còn việc giảng dạy tại cơ sở TH có sinh viên đang còn hạn chế. GV hứng thú với phương pháp MP với cấu trúc cố định, MP dựa trên mô hình giải phẫu, MP dựa trên máy tính, MP dựa trên NB ảo, MP NB thật, MP sử dụng NB chuẩn. GV hứng thú với các phương pháp lượng giá SV, trong đó cao nhất là Đánh giá tư duy bằng tình huống giả định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ironside PM, McNelis AM, Clinical education in prelicensure nursing programs: findings from a national survey. *Nurs Educ Perspect*, 2010, 31(4): 264-26.
- [2] Sherrod D, Roberts D, Little B, Where Have The New Grads Gone? *Nursing Management*. The Journal of Excellence in Nursing Leadership, 2008, 39(12): 8-12.
- [3] Hayden J, Use of simulation in nursing education: National survey results. *Journal of Nursing Regulation*, 2010, 1(3): 52-57.
- [4] Blum CA, Borglund S, Parcels D, High-fidelity nursing simulation: Impact on student self-confidence and clinical competence. *International Journal of Nursing Education Scholarship*, 2010, 7(1), Article 18.
- [5] Valizadeh L, Amini A, Fathi-Azar E et al., The Effect of Simulation Teaching on Baccalaureate Nursing Students' Self-confidence Related to Peripheral Venous Catheterization in Children: A Randomized Trial. *Journal of Caring Sciences*, 2013, 2(2): 157-164.
- [6] National League for Nursing. Simulation Innovation Resource Center. <https://www.nln.org/education/education/sirc/sirc/sirc>. Accessed 12/11/2023.
- [7] WHO, Simulation in nursing and midwifery education. Publications of the WHO Regional Office for Europe; 2018
- [8] Mai Thị Lan Anh, Kết quả ứng dụng phương pháp mô phỏng trong đào tạo cử nhân điều dưỡng tại trường Đại học điều dưỡng Nam Định, *Tạp chí Khoa học điều dưỡng*, 2020, 1(1): 101-108.

